TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HS-PT
Ngày 10/9/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy
Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu
Ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Văn M, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án sơ thẩm số 89/2023/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Phạm Văn M,** sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị B; có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 19/5/2022, chuyển tạm giam từ ngày 25/5/2022 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phan Tùng L và bà Nguyễn Thị Thanh H1 – Luật sư Công ty luật hợp danh N; địa chỉ: Số 61 phố N, quận X, thành phố Hà Nội. (Luật sư Phan Tùng L có mặt; luật sư Nguyễn Thị Thanh H1 vắng mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Lan H2, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 44 phố T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng mối quan hệ quen biết và đã từng vay tiền của chị Nguyễn Thị Lan H2, sinh năm 1974, trú tại số 44 phố T, phường Q, thành phố H, Phạm Văn M đã cùng người khác gian dối trong việc vay tiền để chiếm đoạt tài sản của chị H2. Cụ thể như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/5/2016, Phạm Văn M (khi đó đang là cán bộ của Đội Cảnh sát giao thông - Công an huyện K, tỉnh Hải Dương) gọi điện cho chị H2 giới thiệu có người bạn của M muốn vay tiền thì chị H2 hẹn M đến nhà gặp. Khoảng 15 giờ cùng ngày, M dẫn một nam thanh niên (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể) đến nhà chị H2 và nói dối chị H2 là người thanh niên này tên là Nguyễn Văn T ở thị trấn P cùng công tác trong đội giao thông Công an huyện K với M. Sau đó, người thanh niên này đưa cho chị H2 một Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông, số hiệu: 194-604, mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, chức vụ: Cán bộ; đơn vị: Công an huyện K, tỉnh Hải Dương, dán ảnh mặc trang phục Cảnh sát giao thông của anh Vũ Minh Đ, sinh năm 1990, HKTT: số 4/10 Cầu Cốn, P. Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương, là cán bộ Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện K để làm tin và hỏi vay của chị H2 số tiền 150.000.000 đồng, hẹn một tháng sau sẽ trả, người thanh niên này viết giấy vay tiền với nội dung: *"Tên tôi là Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thị trấn P; Hiện đang công tác tại Công an huyện K. Hôm nay ngày 19/5/2016, tôi có vay của cô Nguyễn Thị H2- số nhà 44 phố T, TP. H với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và tôi có tự nguyện để lại Thẻ tuần tra kiểm soát giao thông số 194-604 và hẹn sau 01 tháng tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên, nếu sai tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm với pháp luật"* ký họ, tên "*T, Nguyễn Văn T*" ở phía dưới, bên phải của giấy vay tiền. Mặc dù biết rõ người thanh niên đi cùng không phải là Nguyễn Văn T có lai lịch như trên và người này đang sử dụng giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông giả nhưng Phạm Văn M vẫn đưa đến gặp chị H2 và xác nhận, ghi họ tên "*Phạm Văn M*"ở mục người bảo lãnh bên trái, phía dưới tờ giấy vay tiền với nội dung: "*Trong trường hợp anh T không trả tôi sẽ hoàn trả số tiền trên*" để chị H2 tin tưởng và giao tiền. Do chị H2 biết M là cán bộ Cảnh sát giao thông - Công an huyện K nên cũng tin tưởng nam thanh niên đi cùng là cán bộ Cảnh sát giao thông Công an huyện K. Khi M ký bảo lãnh trong giấy vay tiền thì chị H2 đã đưa cho người thanh niên này 150.000.000 đồng và giữ lại giấy vay tiền, 01 Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông của Nguyễn Văn T để làm tin. Sau đó, M cùng T cầm tiền ra về. Đến thời hạn trả nợ nhưng T và M không ai trả tiền cho chị H2, chị H2 đến Công an huyện K và đến nhà M đề đòi tiền nhưng M đã bỏ đi khỏi đơn vị và không có mặt ở nơi cư trú. Do không gặp và đòi được số tiền trên nên ngày 13/5/2020, chị H2 đã có đơn trình báo cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương. Quá trình điều tra, ngày 29/6/2020, chị H2 giao nộp 01 Giấy vay tiền nói trên; 02 Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát

giao thông mang tên Phạm Văn M và Nguyễn Văn T cho Công an TP. Hải Dương.

Quá trình điều tra Phạm Văn M vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được nơi ở của M. Ngày 17/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định truy nã đối với M. Ngày 19/05/2022, Phạm Văn M bị bắt theo Quyết định truy nã. Khi bị bắt, Phạm Văn M tự nguyện giao nộp một số đồ vật gồm: 01 nhẫn hình tròn, bằng kim loại màu vàng; số tiền 4.000.000 đồng; 01 chiếc ví da màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (không kiểm tra bên trong); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, màn hình đen trắng; 01 thẻ bảo hiểm; 02 giấy phép lái xe; 01 Căn cước công dân số 030089000506; 01 thẻ Ngân hàng Vietcombanh; 01 Giấy chứng nhận phòng cháy, chữa cháy đều mang tên Phạm Văn M.

Tại Kết luận giám định số 78/C09-P5, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an ngày 29/01/2021 kết luận:

- Các chữ: *"Trong trường hợp anh T không trả tôi sẽ hoàn trả số tiền trên*", chữ ký đứng tên Phạm Văn M và các chữ: "Phạm Văn M" dưới mục "Người bảo lãnh" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Phạm Văn M trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra.

- Những người có mẫu chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T, Vũ Minh Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M7 không viết, ký ra chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ viết, chữ ký đã kết luận tại mục 5.1).

Tại Kết luận giám định số 7048/C09- P5, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an ngày 12/11/2020 kết luận:

- Các lớp in trên 02 Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông cần giám định ký hiệu A1, A2 so với các lớp in trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không cùng các phương pháp in tương ứng. Các lớp in trên 02 Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông cần giám định ký hiệu A1, A2 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu D trên 02 Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông cần giám định ký hiệu A1, A2 không phải là chữ ký trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn màu đỏ trên 02 Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông cần giám định ký hiệu A1, A2 không phải là hình dấu đóng trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản án sơ thẩm số 89/2023/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 (viết tắt là BLHS 2015), xử phạt M 33 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 39 tháng tù. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; biện pháp tư pháp; án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 6 năm 2023, bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo; ngày 27 tháng 6 năm 2023, bị cáo kháng cáo kêu oan, xét xử không đúng tội, áp dụng thiếu tình tiết giảm nhẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, không kháng cáo kêu oan mà kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo xác định nội dung bản án sơ thẩm mô tả đúng diễn biến sự việc và không có ý kiến gì về tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử với bị cáo. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên tác động gia đình nộp lại toàn bộ 150.000.000 đồng để trả cho chị H2; bị cáo cũng từng giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày bài bào chữa: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như khai báo nhận tội; bồi thường xong toàn bộ thiệt hại, từng giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đề nghị HĐXX xem xét về cả tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

- Bị hại rút kháng cáo tăng hình phạt, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Sau khi phân tích các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 341 BLHS 2015. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo 33 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" là phù hợp. Đối với bị hại, tại phiên tòa bị hại tự nguyện rút kháng cáo nên không phải xem xét. Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, không kháng cáo kêu oan mà xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội; bị cáo từng giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm; bị cáo cũng tác động gia đình nộp thêm số tiền 130.000.000 đồng để trả

cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Thấy rằng tại cấp phúc thẩm bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, thể hiện thái độ thực sự ăn năn, hối cải của bị cáo. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo và áp dụng Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 21 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 21 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2022. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo, bị hại trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa bị hại rút toàn bộ kháng cáo, bị cáo thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt. Mặc dù bị hại rút kháng cáo nhưng HĐXX vẫn xem xét về phần hình phạt do có kháng cáo của bị cáo nên việc rút kháng cáo của bị hại không thuộc trường hợp đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 342, 348 BLTTHS.

[2] Về hành vi: Tại phiên tòa bị cáo M thay đổi nội dung kháng cáo, không kháng cáo kêu oan. Bị cáo xác định nội dung bản án sơ thẩm mô tả đúng diễn biến sự việc, diễn biến hành vi của bị cáo. Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định, tài liệu, chứng cứ trong vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 19/5/2016, tại nhà của chị Nguyễn Thị Lan H2 ở số 44 phố T, phường Q, thành phố H, Phạm Văn M có hành vi giới thiệu một người thanh niên giả là cán cộ cùng công tác với M tại Công an huyện K để người này sử dụng 01 Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra kiểm soát giao thông giả (số hiệu 194-604, mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, chức vụ: Cán bộ; đơn vị: Công an huyện K, tỉnh Hải Dương) gian dối để chiếm đoạt của chị H2 số tiền 150.000.000 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng thông tin gian dối, dùng giấy tờ, tài liệu giả để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo thực hiện khi Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có hiệu lực, tuy nhiên theo hướng có lợi cho bị cáo thì cần áp dụng Bộ luật Hình sự 2015. Đánh giá hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 341 BLHS 2015. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét

xử bị cáo về tội danh, điều luật như nêu trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét về tội danh không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về hình phạt: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã tác động gia đình nộp 20.000.000 đồng để trả cho bị hại; bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huy chương, bằng khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 33 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; cung cấp tài liệu về việc bị cáo từng giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm (đã bị điều tra, truy tố và xét xử năm 2020); bị cáo tiếp tục tác động gia đình nộp số tiền còn lại là 130.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Thấy rằng tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới và đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, thể hiện bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 54 BLHS, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[5] Về án phí: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết 326/2012/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn M; sửa bản án sơ thẩm số 89/2023/HS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương về điều luật, hình phạt.

1. Về tội danh: Tuyên bố Phạm Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức".

2. Về điều luật, hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt Phạm Văn M 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc Phạm Văn M phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/5/2022.

3. Ghi nhận bị cáo đã nộp 130.000.000 đồng để trả cho chị Nguyễn Thị Lan H2 gồm 10.000.000 (mười triệu đồng) do ông Phạm Văn C nộp thay tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2020/0002100 ngày 02/8/2023; 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) do ông Phạm Văn C nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2021/0001743 ngày 09/8/2023.

4. Về án phí: Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị Lan H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/9/2023.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I – TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố H (02 bản);
- VKSND thành phố H;
- CQCSĐT – CA thành phố H;
- CQTHAHS – CA tỉnh Hải Dương
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy